

TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY NHÔM ĐẮK NÔNG - TKV

Số: 506 /DNA-CĐVT

V/v: Mời báo giá vật tư phục vụ
Phương án Sửa chữa hệ thống thang
máng cáp điện tại khu vực A03, A04,
A05, A11, A13.2, A15

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Đắk Nông, ngày 26 tháng 02 năm 2025

Kính gửi: Các nhà cung cấp

Công ty Nhôm Đắk Nông - TKV (DNA) trân trọng cảm ơn các nhà cung cấp đã quan tâm, phối hợp, hỗ trợ DNA trong thời gian vừa qua. Hiện nay, DNA đang triển khai kế hoạch sửa chữa hệ thống thang máng cáp điện tại khu vực A03, A04, A05, A11, A13.2, A15. DNA kính mời các nhà cung cấp có đủ năng lực, kinh nghiệm tham gia báo giá các vật tư phục vụ sửa chữa hạng mục nêu trên (theo phụ lục đính kèm).

Quý nhà cung cấp quan tâm xin gửi báo giá về một trong hai địa chỉ sau đây trước ngày 05/03/2025.

- **Địa chỉ 1:** Phòng Cơ điện - Vận tải, Công ty Nhôm Đắk Nông - TKV, Thôn 11, Xã Nhân Cơ, Huyện Đắk R'lấp, Tỉnh Đắk Nông đối với bản giấy.

- **Địa chỉ 2:** Email: dnacdv@gmail.com đối với file điện tử.

Lưu ý: Các nhà cung cấp điền đầy đủ thông tin như **phụ lục 2** kèm theo và ký tên đóng dấu đầy đủ. Trường hợp nhà cung cấp gửi trực tiếp báo giá tại văn phòng của DNA vui lòng mang theo giấy giới thiệu, CCCD của người gửi để làm thủ tục giao nhận.

Nhà cung cấp muốn biết thêm chi tiết xin liên hệ Ông Phan Văn Thụy - Trưởng phòng Cơ điện - Vận tải theo sdt: 0986.420.905.

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Website công ty (đăng tải);
- Lưu: VT, CĐVT.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Tiến Dũng

Phụ lục 1: Danh mục vật tư phục vụ sửa chữa hệ thống thang máng cáp điện tại khu vực A03, A04, A05, A11, A13.2, A15

STT	Tên vật tư	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	Đối tượng/vị trí sử dụng	Đvt	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
1	Co lên 90 độ + nắp	200x100x2mm; SUS304	Sửa chữa hệ thống thang máng cáp điện tại khu vực A03, A04, A05, A11, A13.2, A15	Cái	2	
2	Co lên 90 độ + nắp	300x150x2mm; SUS304		Cái	2	
3	Co lên 90 độ + nắp	400x200x2mm; SUS304		Cái	1	
4	Co ngang 90 độ + nắp	200x100x2mm; SUS304		Cái	1	
5	Co xuống 90 độ + nắp	200x100x2mm; SUS304		Cái	2	
6	Co xuống 90 độ + nắp	300x150x2mm; SUS304		Cái	1	
7	Co xuống 90 độ + nắp	400x200x2mm; SUS304		Cái	1	
8	Co xuống 90 độ + nắp	300x150x2mm; SUS304		Cái	1	
9	Giảm + nắp	600x300x150x2mm		Cái	2	
10	Kẹp nắp máng	H100; W200; SUS304		Cái	44	
11	Kẹp nắp máng	H150; W300; SUS304		Cái	64	
12	Kẹp nắp máng	H150; W400; SUS304		Cái	59	
13	Kẹp nắp máng	H150; W600; SUS304		Cái	59	
14	Kẹp nắp máng	H200; W400; SUS304		Cái	30	
15	Máng cáp	200x100x2mm; SUS304		Mét	55	
16	Máng cáp	300x150x2mm; SUS304		Mét	80	
17	Máng cáp	400x200x2mm; SUS304		Mét	30	
18	Nắp máng cáp	200x12x2mm; SUS304		Mét	55	
19	Nắp máng cáp	300x12x2mm; SUS304		Mét	80	
20	Nắp máng cáp	400x12x2mm; SUS304		Mét	30	



STT	Tên vật tư	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	Đối tượng/vị trí sử dụng	Đvt	Số lượng	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
21	Nắp máng cáp	400x12x2mm; thép mạ kẽm	Sửa chữa hệ thống thang máng cáp điện tại khu vực A03, A04, A05, A11, A13.2, A15	Mét	12,5	
22	Nắp máng cáp	600x12x2mm; thép mạ kẽm		Mét	74	
23	Nối máng	H100; SUS304		Cái	54	
24	Nối máng	H150; SUS304		Cái	76	
25	Nối máng	H200; SUS304		Cái	40	
26	Bulong	M10x30; SUS304		Bộ	2190	
27	Bulong	M8x16; SUS304		Bộ	512	
28	Thép hình U	U100x50x5mm		Mét	110	
29	Thép hình V	V50x50x5mm		Mét	28	
30	Thép hình V	V70x70x5mm		Mét	12	

Phụ lục 2: Mẫu biểu báo giá

SIT	Tên vật tư	Quy cách/thông số kỹ thuật/danh điểm	Nhà sản xuất	Xuất xứ	Thời gian bảo hành	Thời gian, tiến độ cung cấp	Giấy tờ kèm theo	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1												
2												
3												
	Tổng cộng trước thuế:											
	Thuế GTGT:											
	Tổng cộng sau thuế:											
	Bằng chữ.....											

Yêu cầu khác: Thời gian hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 45 ngày.

